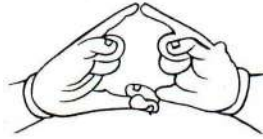


KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiên Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quang Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Quy mệnh **Du Già Tụ Tại Vương**.
Khéo trụ nơi Tam Muội **Như Huyễn**
Rộng khắp các biển cõi (sát hải) sâu tịnh
Hay hiển mọi thứ tùy loại Thân
Ta y **Liên Hoa Vương Ứng Môn**.
Mở bày Pháp **Đại Bi Đa La** (Mahā-kāraṇa-tārā)
Vi khiến tu tập các **Tam Muội** (Samādhi)
Xa lìa Định **Vô Bi Nhị Thừa**
Mau đủ Thần Thông, **Ba La Mật** (Pāramitā)
Liên hay đốn chứng **Như Lai Vị**
Hành Giả nên phát **Tâm Phổ Hiền** (Samanta-bhadra-citta)
Theo Thầy nhận đủ Giới Kim Cương.
Chẳng nguyện: “Thân mệnh vượt **Tâm Từ**”
Liên hay thâm nhập **Luân Giải Thoát** (Mokṣa-cakra)
Nên theo Thầy nhận **Tam Muội Gia** (Samaya).
Khế Ấn, Mật Ngữ như Kinh nói
Kính **A Xà Lê** (Ācārye: Đạo Sư) tướng như Phật
Đối với Đồng học, Tâm ân trọng.
Hoặc ở sườn núi, **A Lan Nhã** (Āraṇya: nơi tịch tĩnh)
Sông, suối, ao, đầm, nơi Thích ý
Ngọn núi, hang, hốc đá, bên cây.
Xây dựng **Đạo Trường** (Maṇḍala) như phép tắc.
Trang nghiêm **Tinh Thất** đặt Bản Tôn.
Tùy sức cúng dường, nhất tâm trụ
Quán khắp các Phật Hải mười phương.
Sám hối, phát nguyện đều như Giáo
Vi thành ba nghiệp Kim Cương nên.
Ngay trong hai tay, lưỡi, trái tim
Tướng chữ **Hồng** (㊦ : Hūm) thành chày Ngũ Trí
Do đây gia trì **Năng Tắt Địa**
Tiếp nên kết Khế, tên **Cảnh Giác**
Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Hai Độ (2 ngón tay) dính nhau, tên Khởi Ấn



Chân Ngôn là:

“**Án – phộc nhật-lộ đề sắt-tra**”

ॐ वज्र त्रिंशत् ह्रूं

OM – VAJRA TRIṢṬA – HŪM

_Tiếp, nên kính lễ **A Súc Tôn** (Akṣobhya-nātha)

Xả thân cầu thỉnh **Bất Thoái chuyển**

Kim Cương hợp chưởng, duỗi trên đỉnh

Toàn thân sát đất, dùng tim lễ



Chân Ngôn là:

“**Án – Tát phộc đát tha nghiệt đa, bồ nho ba tát tha na dạ đáp-ma nam, niết li-dạ đa dạ nhĩ. Tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la tát đát-phộc, địa sắt-xá, tát-phộc, Hàm**”

ॐ सत्त्वगतं पुरुषं पश्यन्त्य श्रद्धां विष्णुं त्र्यम्बकं यजन्त स्वर्गं वरुणं त्र्यम्बकं ॥

*)OM – SARVA TATHĀGATA-PŪJA PASVANĀYA ATMANĀM – NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAM – HŪM

_Tiếp lễ Nam phương **Bảo Sinh Tôn** (Ratna-saṃbhava-nātha)

Xả thân cầu thỉnh **Quán Đỉnh Vị**

Kim Cương hợp chưởng để ngang tim

Đặt Trán sát đất chân thành lễ.



Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, bồ nhạ tỳ sái ca già, đát-ma nam, niết li-dạ đa, dạ nhĩ, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật la, la đát-ná, a tỳ tru giả hàm**”

ॐ सत्त्वगतं पुरुषं पश्यन्त्य श्रद्धां विष्णुं त्र्यम्बकं यजन्त स्वर्गं वरुणं त्र्यम्बकं ॥

*)OM – SARVA TATHĀGATA PŪJA ABHIṢEKĀYA ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-RATNA ABHIṢIMCA MĀM TRĀH.

_Tiếp lễ **Quán Tự Tại Vương Tôn** (Avalokiteśvara-rāja-nātha)
 Xả thân cầu thỉnh **Tam Ma Địa** (Samādhi)
 Kim Cương hợp chưởng đặt trên đỉnh
 Để miệng sát đất, thành tâm lễ



Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ, bát-la miệt lật-la ná gia, đát-ma nam, niết lệ-da đa, dạ nhĩ, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la đạt ma, bát-la miệt lật-đa dạ hàm**”

ॐ स ३ नमो ग वरा वसु धर मय म् ३ नमो स ३ नमो ग वरा वसु धर मय म् ३ नमो

*) OM- SARVA TATHĀGATA PŪJA PRAVARTTANĀYA. ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-DHARMA PRAVARTTĀYA MĀM HRĪḤ.

_Tiếp lễ **Bất Không Thành Tự Tôn** (Amogha-siddhi-nātha)
 Xả thân cầu thỉnh **Thiện Xảo Trí**
 Kim Cương hợp chưởng để ngang tim
 Để đỉnh sát đất, cúi đầu lễ



Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, bố nhạ yết ma ni, A đát-ma nam, niết lệ-da đa, dạ nhĩ, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la yết ma, cú lỗ hàm**”

ॐ स ३ नमो ग वरा वसु धर मय म् ३ नमो स ३ नमो ग वरा वसु धर मय म् ३ नमो

*) OM - SARVA TATHĀGATA PŪJA KARMAṆI ATMANĀM NIRYĀTA YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-KARMA KURU MĀM AḤ.

_Tiếp lễ Chư Phật đầy Hư không
 Nên kết giữ **Án** lễ khắp thân.
 Thiên Tuệ (Ngón cái phải, ngón út trái) **Đàn Trí** (ngón út phải và ngón cái trái)
 cài ngược nhau
 Gối phải sát đất, đặt (**Án**) trên Đỉnh



Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc nhật-la, vi**”

ॐ त्र षु षु

* OM– VAJRA VĪH

_ Tiếp dùng Chân Ngôn Diệu Thành Tự

Nguyện khắp chúng sinh đồng Tất Địa

Tất cả Như Lai xung tán Pháp

Nên nguyện Gia Trì mau thành tựu.

Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đất tha nghiệp đa hướng tất đa, tát phộc tát đất-phộc nam, tát phộc tất đà dục, tam bát đồ đam, đất tha nghiệp đa thất giả, địa để sắt-tổng đam**”

ॐ सर्व गथागत धर्मः सर्व सर्वं सर्व सर्वैः सर्वं सर्वं
गथागतधर्मं पुन

*) OM – SARVA TATHĀGATA ŚAMSITĀH – SARVA SATVĀNĀM
SARVA SIDDHAYAĤ SAMPADYATNĀM TATHĀGATA-ŚCA
ADHITIṢṬANĀ

_ Tiếp nên thẳng thân ngồi Kiết Già

Tĩnh trừ ba nghiệp khiến thanh tĩnh

Các pháp vốn có tính thanh tĩnh

Nguyện khiến ta, người (tự tha) đều không dơ.

Chân Ngôn là:

“**Án, sa-phộc bà phộc thú đà, tát phộc đạt ma sa-phộc bà phộc, thú độ hàm**”

ॐ स्वस्व सुद्ध सर्वं स्व स्व सुद्धं

*)OM– SVABHĀVA ŚUDDHA – SARVA DHARMA SVABHĀVA
ŚUDDHA-UHĀM

_ Tiếp kết **Liên Hoa Tam Muội Gia**

Mười độ (10 ngón tay) cài nhau buộc bên chắc

Nhấn nguyện (2 ngón giữa) hợp dựng như cánh sen

Tương Thân đồng với **Đa La Tôn** (Tārā)



Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la bát ná-ma tam ma gia, tát-đát-noan**”

ॐ त्र षु पद्म सम्यक्

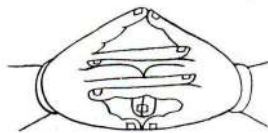
*) OM– VAJRA-PADMA SAMAYA STVAM

_ Tiếp kết **Cực Hỷ Tam Muội Án**

Hai vũ Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bên chắc

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hợp cài lông ở giữa

Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau.



Chân Ngôn là:

“**Án, tam ma gia, tổ phộc đa, tát-đát-noan**”

ॐ म म म ऋ ऋ ऋ ऋ ऋ

*) OM- SAMAYA HOH SURATA STVAM

_ Tiếp đến Khai Tâm vào Phật Trí

Gia Trì hai vú: **Đát la** (ॐ- vú phải) **Tra** (ॐ- vú trái)

Kết Kim Cương phộc để trước tim.

Ba kéo (mở đẩy) **Khai Tâm** như mở cửa.



Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, măn đà, đát-la tra**”

ॐ व ऋ व ऋ व ऋ

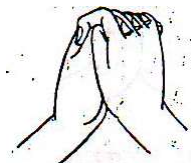
*) OM- VAJRA BANDHA TRĀṬ.

_ Tiếp Quán Đài Sen: **A Tụ Môn** (ॐ)

Hai điểm trang nghiêm (ॐ-AH) thành **Tịch Trí** (Trí Niết Bàn)

Thiền Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương phộc

Triệu chữ tuôn vào ở trong tim.



Chân Ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la phệ xa, ác**”

ॐ व ऋ व ऋ व ऋ

*)OM- VAJRA AVISA AH

_ Tiếp kết Mật Hợp Kim Cương Quyền

Dùng dây gia trì khiến bền chắc

Tiền lực (2 ngón trỏ) vào **Án**, trụ Thiền Trí (2 ngón cái)

Nên hay giữ vững chẳng lui mất (thoái thất)



Chân ngôn là:

“**Án, phộc nhật-la, mẩu sắt-tri, hàm**”

ॐ व ऋ व ऋ व ऋ

*)OM – VAJRA MUṢṬI VAM

Liên được **Đại Bi Tam Ma Địa**
Đều hay tĩnh khắp chúng sinh giới
Chân Ngôn là:

“**Án, tát phát la, bát-ná ma**”

ॐ ॐ [५ ॐ]

*)OM– SPHARA PADMA.

_ Vì khiến Tam Muội thuần thực nên
Đều khiến thu rút được Tụ Tại
Sen Trí nhỏ dần bằng thân mình
Phát hào quang Tịnh chiếu Tam Muội
Chân Ngôn là:

“**Án, tăng ha la, bát ná-ma**”

ॐ ॐ [५ ॐ]

*)OM– SAMHARA PADMA.

_ Tiếp dùng Chân ngôn Diệu Kiên Cố
Gia Trì hay khiến chẳng lay động.

Chân Ngôn là:

“**Án, niết-ly trà, đề sắt _ xá, bát ná-ma**”

ॐ ॐ [५ ॐ]

*)OM– DRDHA TIṢṬA PADMA

_ Các Như Lai hiện ở Hư không.
Đều vào **Giác Hoa** làm một thể
Nên biết ngang đồng với chư Phật.
Bồ Đề Kiên Cố, Thệ Nguyện đến
Chân Ngôn là:

“**Án, bát ná-ma, đát-ma cú hàm, Tam ma dụ hàm, ma ha Tam ma dụ hàm,
tát phộc đát tha nghiệt đa tỳ tam mạo đề, bát ná-ma, đát-ma cú hàm**”

ॐ ॐ [५ ॐ]

*)OM – PADMA ATMAKA-UHAM – SAMAYA-UHĀM – MAHĀ-SAMAYA-UHAM – SARVA TATHĀGATA ABHISAMBODHI, PADMA ATMAKA-UHAM

_ Liên quán **Diệu Liên** (Sen màu nhiệm) làm Bản Tôn

Thân Ngài thanh tịnh màu vàng lục

Ma Ni, báu diệu làm châu lạc

Mão báu, đầu đội **Vô Lượng Thọ** (Amitāyus)

Tay phải **Án Dữ Nguyện** thù thắng

Tay trái cầm nắm hoa sen xanh.

Trụ ở Tam Muội nơi vành trăng

Tỏa khắp **Từ Quang** chiếu ba cõi

Tiếp dùng Căn Bản Thanh Liên **Án**

Tim, Trán, Họng, Đỉnh gia trì khắp.

Chân Ngôn là:

“**Án, đa li, đót đa li, hồng**”

ॐ ॐ [५ ॐ]

*)OM- TĀRE TUTTĀRE – HŪM

_ Tiếp kết Ấn Tụ Quán Đỉnh

Hai Vũ (2 bàn tay) Kim Cương phộc kiên cố
Tiền lục (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) như hình bấu
Gia Trì trên trán, buộc sau Đỉnh.



Chân Ngôn là:

**“Ấn, phộc nhật-la la đát-na tỳ tru giả hàm, tát phộc mẫu nại-la mê, niết-li
câu cú lỗ, phộc la ca phộc chế ná hàm”**

ॐ ऎश्र्वां नु्रुष्र्वां मद्म म्म त्रुुतुुतुु व्रुु नुुष्र्वां व

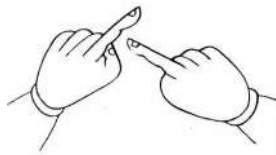
*)OM- VAJRA-RATNA ABHIṢIṂCA MĀM – SARVA MUDRA ME
DṚDHA KURU, VAJRA-KAVACENA VAṂ

_ Hai tay như rữ giải **hoa man** (tràng hoa)

Liên tụ mặc áo giáp Kiên cố

Kết Kim Cương Quyền duỗi Tiền Lục (2 ngón trỏ)

Tương chữ **Ấn** (ॐ : ngón trỏ phải) **Châm** (३ : ngón trỏ trái) trên mặt ngón



Tim, lưng, rốn, eo với hai gôi

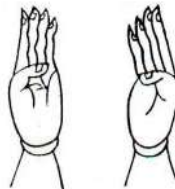
Họng, trán, sau đỉnh đều ba vòng

Đàn Tuệ (2 ngón út) buông trước, rữ Thiên Y (áo khoác ngoài)

Liên hay bền chắc không lay động.

Nên dùng hay vũ (2 bàn tay) vỗ ba lần

Đây là Nghi Ấn Liên Hoa Hỷ.



Chân Ngôn là:

“Ấn, bát ná-ma, đồ sử đã, cốc”

ॐ ऎश्र्वां तुष्र्वां

*)OM- PADMA TUṢYA HOḢ

_ Tiếp nên nghiêm tịnh Quốc Thổ Phật.

Vì muốn phụng sự các Như Lai.

Đế Quán (chân thật quan sát) biển nước thơm vô tận.

Trên Sen Diệu, giữ HOA TẠNG GIỚI
 Điện báu Ma Ni dùng trang nghiêm.
 Vượt hơn vật cúng diệu của Trời
 Hư Không chư Thiên là **thứ năm**
 Ước muốn đều từ Hư không đến
 Tâm vui cúng dường các thánh chúng
 Nguyện khiến như ý, viên mãn khắp.
 Dùng chân thật này Gia Trì xong
 Nên kết Nghi **Kim Cương chưởng**.



Chân Ngôn là:
“Án, nga nga năng, tam bà phộc, phộc nhật-la, cóc”
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 *)OM_ GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH

_ Đất báu trang nghiêm trên tòa sen
Đốt-lượng tự môn (ॐ: TRĂM) thành Bản Tôn.
 Phóng hào quang tịnh hơn Nhật Nguyệt
 Quyển thuộc Liên Hoa đều quay quanh.
 Tiếp dùng phương tiện Mật Thịnh Triệu
 Triệu tập **Tôn Thân** vào **Trí Thể**
 Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) đều co như móc câu



Chân Ngôn là:
**“Án, Bát ná-mang, câu xá, ca li-sái gia, ma ha bát ná-ma, câu lan, ha dã hạt-
 li phộc, tam ma diễm, Hồng nhược”**
 ॐ
 *)OM_ PADMA-ANKUŚA AKARŚĀYA – MAHĀ-PADMA KURU
 HAYAGRĪVA-SAMAYAM HŪM JAḤ.

_ Tiếp kết Đại Ấn **Liên Hoa Sách**
 Liên Hoa Trí (ngón cái trái) vào trong Tiến Thiển (ngón trỏ phải, ngón cái phải)
 Dùng Mật Ấn này với Chân Ngôn
 Triệu Thịnh Bản Tôn hay dẫn vào.



Chân Ngôn là:

“**Án, A mục già bá xả, cú lỗ đà, tam ma duệ, bát-la phệ xá, bát la phệ xá gia, tát phộc tam ma diên, hồng**”

ॐ अमृचं बलि क्रुद समय प्रवशि प्रवशिय मत् समय हूं

*)OM– AMOGHA-PĀŚA KRODHA-SAMAYE – PRAVEŚA. PRAVEŚĀYA – SARVA SAMAYAM – HŪM.

_Tiếp kết tay hoa làm **Tỏa Án**

Tiên Lục (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) đều móc kết

Dùng Liên Hoa Chỉ Lưu Án này

Hay Khiến Bản Tôn Trụ bèn chắc.



Chân Ngôn là:

“**Án , bát ná-ma, thương ca lệ, hàm**”

ॐ बधि भि र् हूं

*)OM– PADMA ŚAMKARE – HŪM

_Tiếp Kết Mật Án **Liên Hoa Linh**

Thiên Trí (2 ngón cái) co vào Liên Hoa chuông

Dùng Mật Án này với Chân Ngôn

Hay khiến Bản Tôn Diệu hoan hỷ.



Chân Ngôn là:

“**Án, bát ná-ma kiện tra, đà lệ, thí già-la ma phệ xá gia, tam ma gia, sát mục khư, ác**”

ॐ बधि चं क्रुद म्रि क्षम वि शिय समय मसुख हूं

*)OM– PADMA-GHAṬṬA DHĀRI – ŚĪGHRAM AVIŚĀYA SAMAYA SAMUKHE – AH.

_Tiếp dùng **Diệu Già Đà** (Sugāthā) thích ý

Phụng trì **Át Già** (Ārg̃ha), hiên nước thơm

Diệu âm (Mañju-ghoṣa) tràn đến cõi vô biên

Dùng Già trì này mau thành tựu.

Chân Ngôn là:

“**Ná mạc duệ ná, tát đế na, bà nga phộc đế, mạo địa mẫu đà la, nỗ đa la, phộc nhật-la đạt ma, bát-la dụ nghi ná, đế ná tát đế ná, tát đình hàm. Án, đa lợi, đót đa lợi, đót lợi, tát-phộc ha**”

ॐ नमः धन मशु रुद्रव न ध्रु सुश्रु र वक्रुदम प्रवशानि म्रि मशुमिहूं

ॐ नृ उरु उरु सुद

*) NAMAḤ YENA SATYA-BHAGAVATE (Quy mệnh Đức Thế Tôn chân thật này) BODHI MUDRA (Giác Tuệ Ấn) ANUTTARA (tối thượng) VAJRA-DHARMA (Kim Cương pháp) PRAYOGINĪ (Thắng công bằng) SINA SATYA (cung cấp sự chân thật) SIDDHIM MAM (Tôi thành tựu)
OM- TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ.

_ Tiếp nên rộng bày bốn NỘI CÚNG
Hoa chuông, dựng thẳng cúng Thiên Trí (2 ngón cái)
Dùng **Liên Hoa Hỷ Hý** này nên.
Hay mãn **Đàn Na Ba La Mật** (Dāna-pāramitā: Bô Thí Độ)



Chân Ngôn là :
“**Án, bát ná-ma, la đễ, bô nhi duệ, cốc**”
ॐ ५ ३ १ १ ३ ३ ५
*)OM_ PADMA-RATI PUṆYE HAḤ

_ Tiếp kết Mật Ấn **Liên Hoa Man**
Liên Hoa Chuông trước duỗi cánh tay
Do hiến Hoa Man cúng dường nên
Sẽ mãn **Tịnh Giới Ba La Mật** (Śīla-pāramitā)



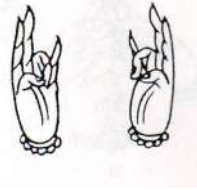
Chân Ngôn là:
“**Án, bát ná-ma, bát sái ca, bô nhi duệ, đát-la tra**”
ॐ ५ ३ ३ ५ ३ ३ ५ ३
*)OM_ PADMA-PUṢPA PUṆYE TRAḤ

_ Do kết Ấn **Liên Hoa Ca Vịnh**
Hoa Chuông từ rón đến miệng buông
Hiển Như Lai Diệu Pháp Âm này
Hay mãn **An Nhẫn Ba La Mật** (Kṣānti-pāramitā)



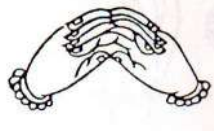
Chân Ngôn là :
“**Án, bát ná-ma , nghĩ đa, bô nhi duệ, nghĩ**”
ॐ ५ ३ १ १ ३ ३ ५ १
*)OM- PADMA-GĪTA PUṆYE – GĪḤ

Tiếp kết **Liên Hoa Vũ** cúng dường
Hoa chuông chuyên múa đặt trên đỉnh
Do Mật Ấn này và chân ngôn.
Mau đủ **Tĩnh Tiến Ba La Mật** (Vīrya-pāramitā)



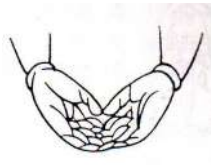
Chân Ngôn là:
“**Án, bát ná ma, niết-li đễ-dã, bố nhi duệ, ngật-li-tra**”
ॐ ८ ५ ५ ५ ५ ५ ५ ५
*)OM– PADMA-NR̥TYE PUṆYE – KR̥Ṭ

Tiếp Kết Ấn **Liên Hoa Phần Hương**
Hoa chuông buông xuống như đốt hương
Do uy lực của Ấn phần Hương
Sẽ chứng **Tĩnh lự Ba La Mật** (Dhyāna-pāramitā)



Chân Ngôn là:
“**Án, độ ba bát ná-nhĩ nễ, hồng**”
ॐ ५ ५ ५ ५ ५ ५ ५ ५
*)OM_ DHŪPA PADMINI – HŪṀ

Tiếp Kết **Liên Hoa Hoa** cúng dường.
Hoa chuông dâng lên như hiến hoa.
Do hiến hoa màu nhiệm trang nghiêm
Mau chứng **Bát Nhã Ba La Mật** (Prajña-pāramitā)



Chân Ngôn là:
“**Án, bát ná-ma, mẫu sát-tri, hồng**”
ॐ ८ ५ ५ ५ ५ ५ ५ ५
*)OM– PADMA-MUṢṬI HŪṀ

Tiếp Kết Ấn **Liên Hoa Đẳng Minh**
Thiền Trí (2 ngón cái) che trước tay Hoa Sen (Liên Hoa Thủ)
Dùng Đẳng Minh cúng dường này nên
Sẽ mãn **Phương Tiện Ba La Mật** (Upāya-pāramitā)

Theo Tâm Ấn trước dựng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa)
Tiền Lục (2 ngón trỏ) co tránh lưng hai Độ (2 ngón giữa)



Chân Ngôn là :
“**Án, bát-la tát la, đa lê, hồng**”
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
*)OM- PRASARA TĀRE – HŪM

_ Tiếp kết **Chân Thật Gia Trì Ấn**
Dùng đây hay Triệu Thỉnh Tất Cả
Theo Ấn Bảo Quan Quán Đỉnh trước
Chỉ đưa Tinh Tiến độ (ngón trỏ phải) qua lại



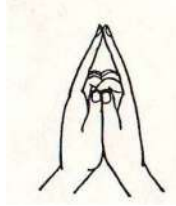
Chân Ngôn là:
“**Án, A mộ già, đa lê, Hồng**”
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
*)OM_ AMOGHA TĀRE – HŪM

_ Tiếp kết **Tội Hoại Chư Ma Ấn**
Dùng đây hay phục kẻ khó phục
Theo Ấn Quán đỉnh Bảo Quan trước
Duỗi thẳng Lục Độ (ngón trỏ trái) xoay bên phải
Chân Ngôn là:

“**Án, tam ma già, đa lê, hồng**”
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
*)OM_ SAMAYA TĀRE HŪM

_ Tiếp dùng Tụ Môn bày trên Thân
Chữ **Án** (ॐ) trên đỉnh, **Đa** (ॐ) trên trán
Chữ **Lê** (ॐ) hai mắt, **Đốt** (ॐ) hai vai
Chữ **Đá** (ॐ) ngang tim, **Lê** (ॐ) ngay rốn
Chữ **Đốt** (ॐ) hai gối, **Lê** (ॐ) hai bắp chân
Tát phộc (ॐ) chân trái, **Ha** (ॐ) chân phải.
Bốn Minh dẫn Tôn vào thân mình
Dùng gia trì này, không hai Thê
Nên kết **Thanh Liên Căn Bản Ấn**
Xung tụng Liên Hoa Bách Tụ Minh
Hai vũ Đỉnh Tuệ (2 bàn tay) cài chéo trong

Tiền Lục (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) dựng dính nhau



Chân Ngôn là:

“**Án, bát ná-ma, tát đát phộc, tam ma gia ma nồ bá la gia, bát ná-ma, tát đát-phộc, đát vĩ nồ ba để sát-tra, niết-li noa-hộ, mị bà phộc, tổ đồ sử dụ, mị bà phộc, A nồ la ngật-đỗ, mị bà phộc, tổ bồ sử dụ, mị bà phộc, tát phộc tát địa, mị bát-la địa sai, tát phộc yết ma tổ giả mị, chát đa thất-lệ dược, cú lỗ, hồng, ha ha ha ha, cóc, bạc già phạm, tát phộc đát tha nghiệt đa, bát ná-ma ma mị muộn giả, bát ná mị bà phộc, ma ha tam ma gia tát đát-phộc, hột-li**”

ॐ चक्षसव्व समयमव्वल्लय चक्षसव्व वृत्तचक्रं कुरु मरुत सुगञ्ज
मरुत मरुत सुगञ्ज मरुत सुगञ्ज मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत
वृत्तचक्रं कुरु मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत मरुत
मरुत मरुत मरुत मरुत ॐ

*)OM– PADMA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA – PADMA-SATVA TVENA UPATIṢṬA – DR̥DHO ME BHAVA – SUTOṢYO ME BHAVA – ANURAKTO ME BHAVA – SUPOṢYO ME BHAVA – SARVA SIDDHIM ME PRAYACCHA – SARVA KARMASU CA ME CITTAM ŚRĪYAM KURU HŪM – HA HA HA HA HOḤ – BHAGAVAM – SARVA TATHĀGATA-PADMA MĀ ME MUṂCA – PADMĪ BHAVA – MAHĀ-SAMAYA-SATVA – HRĪḤ

Xưng tụng Chân Ngôn trăm chữ xong
Chẳng giải Án trước, niệm Bản Minh.
Chân Ngôn là:

“**Ná mô la đát-na đát-la dạ dā. Ná mạc A li-dā phộc lỗ chỉ đế, thất-phộc la gia, mạo địa tát đát-phộc gia, ma ha tát đát-phộc gia, ma ha ca lỗ ni ca gia. Đát nễ-dā tha: Án, đa lê, đót đát lê, đót lê, tát-phộc ha**”

ॐ नमो रत्नत्रयया
ॐ नमो अर्यावलोकिश्वर्याया बोधि-सत्व्याया, महा-
सत्व्याया महा-कारुणिक्याया
गुरुभ्यो नमः ॐ नमो गुरुभ्यो गुरुभ्यो नमः

*) NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA, MAHĀ-SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA.
TADYATHĀ: OM – TĀRE TUTTĀRE TURE – SVĀHĀ

Lại dùng chân ngôn Gia trì châu (Tràng hạt)
Nâng lên đỉnh đội, ngang tim, niệm
Chân Ngôn là :

“**Án, phộc nhật-la, bá vĩ đát-la, tam ma gia, hồng**”
ॐ वज्र चक्रं सम्यक् ॐ

*)OM_ VAJRA PAVITRA SAMAYA HŪM

Tiếp trì số hạn kết thúc xong
Lại hiển Át Già tụng Diệu Tán

Đặt bày tám Cúng, phát nguyện xong
Giải Giới tương Tôn về Bản Cung
Kết Liên Hoa Tam Muội Gia trước
Trên đỉnh bung Hoa, lễ dưới chân



Chân Ngôn là:

“**Án, ngật lệ đồ phộc, tát phộc tát đát phộc lật thác, tất địa nại đa, dã tha nỗ nga, nghiệt sai đặc noan, một đà vi sái diễm, Bồ na la nga, ma na dã đô. Án, Bát na-ma, tát đát-phộc, mục**”

ॐ ऋणवः सर्वसत्त्व (सर्वसत्त्व यत्पुण्यकर्म वृद्धिपथं
पुनरात्मनस्तु ॐ पद्मसत्त्व मुः

*)OM – KRTOVAḤ – SARVA SATVĀRTHA – SIDDHIRDATTĀ YATHA
ANUGĀGACCHADHVAM – BUDDHA VIṢAYAM – PUNARĀGA MANĀYATU
– OM – PADMA-SATVA – MUḤ

Dùng dây Phụng Tống Bản Tôn xong
Gia Trì Quán đỉnh, mặc giáp trụ
Kiên Trú **Bản Tôn Tam Ma Địa**
Tự Ý ngưng nghỉ hoặc **Kinh Hành** (Caṅkramana)
Lại nên chuyển Địa **Ma Ha Diễm** (Mahā-yāna: Đại Thừa)
Thường khiến Tịnh Nghiệp chẳng gián đoạn
Sẽ được **Đa La** (Tārā) hiện trước mặt
Thăng Nguyện mong cầu đều Viên mãn
Đời này được vào HOAN HÝ ĐỊA (Pramiditā-bhūmi)
Mười sáu đời sau thành **Bồ Đề** (Bodhi)

KIM CƯƠNG ĐỈNH ĐA LA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 20/05/2012